

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2020

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kiều Công Ích** và ông **Phạm Mạnh Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Ánh N** - Sinh năm 1997

Nơi cư trú: Khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: Khu Q, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Ngô Tiến D** - Sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Khu C, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Dương Thị Ánh N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Ngô Tiến D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04/10/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh D được khoảng 03 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm, không có sự hòa hợp trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, không còn được hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên từ tháng 1/2020, chị đã về ở nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị xác định mâu thuẫn bất đồng của vợ

chồng chị đã nghiêm trọng, tình cảm của chị với anh D không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Ngô Tiến D.

- Về con chung: Chị và anh Ngô Tiến D có với nhau 01 con chung là Ngô Tiến K; sinh ngày 30/4/2016, con chung vẫn đang ở với anh D. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh Ngô Tiến D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là anh Ngô Tiến D trình bày như sau:

Anh D xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị Nguyệt đã trình bày ở trên. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân do bất đồng về lối sống và tính cách nên vợ chồng thường xảy ra xích mích. Từ đầu năm 2020, chị N bỏ gia đình anh về ở nhà bố mẹ đẻ. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh cũng xác định tình cảm với chị N không còn và cũng yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị Ánh N.

- Về con chung: Anh Ngô Tiến D xác nhận có 01 con chung đúng như chị N đã trình bày. Con chung vẫn đang ở với anh và có cuộc sống ổn định, được chăm sóc chu đáo đầy đủ. Sau khi ly hôn anh D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh D xác nhận anh và chị Dương Thị Ánh N không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Ánh N và anh Ngô Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống đã phát sinh bất đồng về tính cách và quan điểm sống là những nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn, cả hai bên cũng không có biện pháp tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, không thực sự muốn hàn gắn tình cảm, níu kéo hôn nhân làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc dẫn đến phải sống ly thân, và hiện nay cả hai đã không còn sống chung với nhau. Như vậy, có căn cứ để khẳng định chị N, anh D đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn khả

năng hàn gắn, xét yêu cầu ly hôn của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Dương Thị Ánh N và anh Ngô Tiến D có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của cả hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình và đây cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đã được pháp luật quy định. Căn cứ vào lời trình bày của các bên và cung cấp của chính quyền địa phương nơi chị N, anh D cư trú thì con chung đã ở với anh D cùng gia đình từ trước cho đến nay, đang có cuộc sống ổn định, được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, mọi quyền lợi được đảm bảo, hiện tại phía anh D có đầy đủ các điều kiện tốt hơn để chăm sóc nuôi dưỡng con. Do vậy, để cho con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, không bị ảnh hưởng vì thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ toàn diện của con chung nên sau khi ly hôn giao cho anh D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Do anh D tự nguyện không yêu cầu nên trong vụ án này không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị N và anh D đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị Ánh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Ánh N và anh Ngô Tiến D.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho anh Ngô Tiến D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Ngô Tiến K; sinh ngày 30/4/2016 (hiện nay con chung đang ở với anh D). Chị Dương Thị Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị Ánh N phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2019/0002202, ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Q;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Quang Vũ

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 9 năm 2020

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Mạnh Cường** và ông **Kiều Công Ích**

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” giữa;

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Ánh Nguyệt** - Sinh năm 1997

Nơi cư trú: Khu Cây Sui, xã Quảng Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện tại: Khu Quảng Di, xã Quảng Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Ngô Tiến Dũng** - Sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Khu Cây Sui, xã Quảng Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Ánh Nguyệt và anh Ngô Tiến Dũng.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về con chung: Giao cho anh Ngô Tiến Dũng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Ngô Tiến Khang; sinh ngày 30/4/2016 (hiện nay con chung đang ở với anh Dũng). Chị Dương Thị Ánh Nguyệt không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí: Chị Dương Thị Ánh Nguyệt phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyệt đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2019/ 0002202, ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Tuấn